TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 01 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYÊNH MỸ XUYÊN TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện E tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023; về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 372/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Điền Thị Chờ M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số 219, ấp Q, xã W, huyện E, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Trần Thanh S, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp Q, xã W, huyện E, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Điền Thị Chờ M trình bày: Nguyên năm 2016, bà Điền Thị Chờ M với ông Trần Thanh S xác lập quan hệ hôn nhân, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được UBND xã W, huyện E,

tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 17/4/2017. Sau đám cưới ông Trần Thanh S cùng bà Điền Thị Chờ M sinh sống tại nhà cha mẹ bà Điền Thị Chờ M (số 219, ấp Q, xã W, huyện E, tỉnh Sóc Trăng). Trong quá trình chung sống ông bà có hai con chung là cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 30/9/2017 (theo Giấy khai sinh số 374 ngày 04/70/2017) và cháu Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 03/3/2020 (theo Giấy khai sinh số 278 ngày 12/3/2020); cháu Trần Thị Kim A và cháu Trần Thị Cẩm T sống với bà Điền Thị Chờ M; không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có người khác nợ vợ chồng. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường cải vả, phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sốngvà cả hai không có tiếng nói chung nên nên đã không còn chung sống vợ chồng.

Nay bà Điền Thị Chờ M nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Điền Thị Chờ M xin được ly hôn với ông Trần Thanh S.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 30/9/2017 và cháu Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 03/3/2020 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi); bà Điền Thị Chờ M yêu cầu ông Trần Thanh S cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Trần Thanh S: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 169/2023/TB-TLVA ngày 11/10/2023 và Thông báo (Về việc yêu cầu đương sự tự khai và cung cấp chứng cứ) số 270/2023/TB-TLVA ngày 01/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Sóc Trăng (nhận ngày 13/10/2023 và ngày 03/11/2023) nên ông Trần Thanh S đã biết nội dung, căn cứ khởi kiện và những vấn đề ông Trần Thanh S yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng ông Trần Thanh S không có văn bản trả lời theo Toán án ấn định. Đồng thời, Tòa án đã thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không tham gia và có đơn xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin vắng mặt và không có ý kiến khác nên xem như giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] <u>Về tố tụng</u>:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Điền Thị Chờ M yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông Trần Thanh S; yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 30/9/2017 và cháu Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 03/3/2020 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi); bà Điền Thị Chờ M yêu cầu ông Trần Thanh S cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật; tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án bị đơn Trần Thanh S cư trú tại ấp Q, xã W, huyện E, tỉnh Sóc Trăng, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoạc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Toà án nhân dân huyện E, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Điền Thị Chờ M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Trần Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] <u>Về nội dung</u>:

[1] Nguyên đơn Điền Thị Chờ M và bị đơn Trần Thanh S kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được UBND xã W, huyện E, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 17/4/2017, nên quan hệ hôn nhân giữa anh bà Điền Thị Chờ M với ông Trần Thanh S là hợp pháp. Sau khi kết bà Điền Thị Chờ M và ông Trần Thanh S chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung là cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 30/9/2017 và cháu Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 03/3/2020, theo bà Điền Thị Chờ M trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn và bất hòa trong cuộc sống nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Bị đơn Trần Thanh S tuy không có ý kiến và không tham gia tố tụng nhưng biết về nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn Điền Thị Chờ M mà không phản đối.

[2] Theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình "*Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn...; Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật hôn nhân và gia đình...*" và theo quy định tại khoản 1

Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*". Do đó, bà Điền Thị Chờ M hoặc ông Trần Thanh S cùng bà Điền Thị Chờ M có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên ngày 11/9/2023 bà Điền Thị Chờ M tự mình gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần Thanh S là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Theo nguyên đơn Điền Thị Chờ M trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn và bất hòa trong cuộc sống nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay, thời gian bà Điền Thị Chờ M với ông Trần Thanh S phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống tính đến thời điểm khởi kiện và xét xử sơ thẩm là đã nhiều năm, nên mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, đến mức trầm trọng, làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, tình cảm vợ chồng thật sự đã hết và về tương lai cũng không thể hàn gắn được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các bên và đến việc nuôi dạy con cái, nay bà Điền Thị Chờ M cương quyết ly hôn với ông Trần Thanh S. Do đó, theo bà Điền Thị Chờ M yêu cầu xin được ly hôn với ông Trần Thanh S là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp.

[4] Về con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Xét thấy, cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 30/9/2017 và cháu Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 03/3/2020, tính đến ngày xét xử sơ thẩm trên 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi nên quyết định giao các cháu cho ai trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu; trên thực tế cháu Trần Thị Kim A và cháu Trần Thị Cẩm T từ khi bà Điền Thị Chờ M và ông Trần Thanh S không còn chung sống thì bà Điền Thị Chờ M là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, cháu Trần Thị Kim A và cháu Trần Thị Cẩm T hiện được bà Điền Thị Chờ M nuôi dưỡng, chăm sóc tốt và tình cảm gắn bó với bà Điền Thị Chờ M, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần (đời sống tâm sinh lý và tình cảm) và cuộc sống bình thường của các cháu, nên sau khi ly hôn tiếp tục giao cháu Trần Thị Kim A và cháu Trần Thị Cẩm T cho bà Điền Thị Chờ M trực tiếp nuôi là hợp tình, hợp lý và có căn cứ pháp luật. Do vậy, theo bà Điền Thị Chờ M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 30/9/2017 và cháu Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 03/3/2020 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi) là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bà Điền Thị Chờ M yêu cầu ông Trần Thanh S cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy khi giao con chưa thành

niên cho người cha hay người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét đánh giá thật khách quan, đảm bảo về quyền lợi chính đáng của con vì việc nuôi và chăm sóc con vừa là quyền nhưng cũng vừa là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Việc bà Điền Thị Chờ M yêu cầu ông Trần Thanh S cấp dưỡng nuôi con theo quy định là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Buộc ông Trần Thanh S cấp dưỡng cho cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 30/9/2017 và cháu Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 03/3/2020 mỗi tháng 900.000 đồng/cháu cho đến khi cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 30/9/2017 và cháu Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 03/3/2020 đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại, theo bà Điền Thị Chờ M xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh và tranh chấp thì sẽ khởi kiện và giải quyết theo quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[8] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và bị đơn phải chịu án phí cấp dương theo mức án phí không giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Điền Thị Chờ M.

- Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý cho bà Điền Thị Chờ M và ông Trần Thanh S được lý hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 30/9/2017 và cháu Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 03/3/2020 cho bà Điền Thị Chờ M trực tiếp nuôi

dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Ông Trần Thanh S có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 30/9/2017 và cháu Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 03/3/2020 mỗi tháng 900.000 đồng/cháu cho đến khi cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 30/9/2017 và cháu Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 03/3/2020 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông Trần Thanh S theo quy định pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại: Theo bà Điền Thị Chờ M không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Điền Thị Chờ M phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010333 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện E, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Điền Thị Chờ M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Trần Thanh S phải chịu 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hùng Nuôi